TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N2** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N2, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Huyên

2. Ông Triệu Xuân Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N2, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N2, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N2, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị T- Sinh năm 1996 - Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ - Sinh năm 1990 - Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2022, nộp trực tiếp ngày 07/3/2022 bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu yêu đương, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 22/10/2013. Quá trình

chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2015. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, bia, ghen tuông vô cớ, nhiều lần có hành vi đánh đập chị. Nhiều lần bị đánh, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện B, tỉnh Bắc Kạn sinh sống nhưng sau đó vì thương 02 con còn nhỏ nên chị quay về. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, anh Đ cũng đã từng viết cam kết sẽ không đánh chị nữa nhưng sau đó anh Đ vẫn đánh đập chị. Vì vậy, chị đã bỏ đi làm công nhân ở xa nhà. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/02/2013 và Hoàng Thu Th, sinh ngày 23/11/2015. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh Đ tại Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn. Ly hôn, chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi cháu Hoàng Thu Th. Anh Đ sẽ nuôi cháu Hoàng Bảo N. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản do anh Hoàng Văn Đ gửi Tòa án nhân dân huyện N2, trình bày: Anh không nhất trí ly hôn với chị Lý Thị T; Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ đối với cháu Hoàng Thu Th hằng tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N2 đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do anh Đ không có mặt thường xuyên tại địa phương nơi cư trú, có thái độ không hợp tác trong thời điểm giải quyết vụ án (mẹ anh Đ là bà Trần Thị H đã thông báo cho anh biết về yêu cầu xin ly hôn của chị T nhưng anh không về giải quyết), nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 12/5/2022 đối với bà Trần Thị H - Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn (Là mẹ đẻ của anh Đ) xác nhận: Bà đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án về việc triệu tập Hoàng Văn Đ, bà đã báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ không về giải quyết. Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng chị T, anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có việc cãi, chửi, đánh nhau tay đôi. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, anh Đ có nóng tính, ghen tuông vợ. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, anh Đ từng viết cam kết không tiếp tục đánh vợ nhưng sau đó vẫn xảy ra. Hiện nay, cả 02 vợ chồng đều đi làm xa, thỉnh thoảng có về thăm con nhưng khi về vẫn không nói chuyện, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Biên bản ghi lời khai bà Hoàng Thị Đ1 - Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn: Bà xác nhận quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng

anh Đ, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh Đ có đánh đập chị T. Bà đã có lần chứng kiến và can ngăn việc anh Đ đánh chị T.

Chính quyền Tổ dân phố N, thị trấn N1 xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh Đ có xảy ra nhiều lần nhưng chưa từng báo với thôn, xã để hòa giải.

Ngày 13/5/2022, chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Xin rút yêu cầu về việc xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Thu Th. Chị nhất trí để anh Đ được nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng chị nhất trí theo yêu cầu của anh Đ.

Ngày 08/6/2022, Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần 2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Xin được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ; Nhất trí để anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng đối với cháu Hoàng Thu Th. Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N2, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật TTDS:**

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị T về việc ly hôn với anh Hoàng Văn Đức.

- Về con chung: Giao 02 con chung cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Hoàng Thu Th, mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng.

- Về tài chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu các khoản án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện anh Đ yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố N, thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N2 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 08/6/2022 và ngày 20/6/2022 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N1, huyện N2, tỉnh Bắc Kạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 22/10/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T xác định quá trình chung sống v ợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ khoảng năm 2015. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, bia, ghen tuông vô cớ, nhiều lần có hành vi đánh đập chị. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Chị T xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bên cạnh đó, mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người làm chứng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/02/2013 và Hoàng Thu Th, sinh ngày 23/11/2015. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cả hai cháu đều sống cùng bố mẹ anh Đ và anh Đ. Tại văn bản gửi Tòa án anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Qua xác minh tại địa phương, bà Trần Thị H (bà nội của 2 cháu) có nguyện vọng để hai cháu cho bà và anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu. Hơn nữa, từ bé các cháu đã sống cùng bà H, có điều kiện sinh hoạt, học tập tốt. Chị T nhất trí với yêu cầu của anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả hai cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hoàng Thu Th hằng tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Chị T nhất trí với yêu cầu này. Hiện nay, chị T đang đi làm công nhân với mức thu nhập là khoảng 10.000.000 đồng/tháng, cho thấy chị có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Đ đối với chị T là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Đối với cháu Hoàng Bảo N do anh Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N2, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với phần cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T đối với anh Hoàng Văn Đ về việc ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

1.2. Về con chung: Giao 02 cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 03/02/2013 và Hoàng Thu Th, sinh ngày 23/11/2015 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng Thu Th, sinh ngày 23/11/2015 mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của chị Lý Thị T theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000291 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N2, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lý Thị T còn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N2;
- Chi cục THADS huyện N2;
- UBND thị trấn Nà Phặc;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ